

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2017/ HNGĐ - ST

Ngày 24/11/2017

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán — Chủ tọa phiên tòa : Ông Hà Thiện Thành
- Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến
Ông Nguyễn Văn Vũ

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Mơ** — Th- ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2017/ TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 05 năm 2017, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 giữa các đ- ong sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn B, xã G, huyện G, tỉnh N.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, ngày 05 tháng 05 năm 2017, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng nh- tại phiên Tòa, nguyên đơn là

chị Nguyễn Thị M trình bày: Giữa chị Nguyễn Thị M và bị đơn là anh Lê Thanh T, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 04 năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn chị M và anh T về nhà bố mẹ đẻ anh T để ở, tại thôn B, xã G, huyện G, tỉnh N. Chị M và anh T chung sống hoà thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2014 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nh- ng chủ yếu do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, kinh tế gia đình khó khăn, anh T không có việc làm, th- ờng xuyên tụ tập bạn bè về nhà đánh đập, chửi bới vợ con; chị M và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nh- ng anh T không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau, chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xóm N, xã G, huyện G, tỉnh N để ở và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2015 cho tới nay. chị M thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ- ợc. Vì vậy chị M đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị đ- ợc ly hôn với anh Lê Thanh T.

Về con chung; chị Nguyễn Thị M trình bày: Vợ chồng chị có hai con chung cháu lớn là Lê Xuân B, sinh ngày 07/01/2011; cháu nhỏ là Lê Ngọc L, sinh ngày 06/01/2014. Hiện tại anh T là ng- ời trực tiếp nuôi d- ỡng, chăm sóc hai cháu. Nếu đ- ợc Tòa án chấp nhận cho ly hôn, chị M đề nghị là ng- ời trực tiếp đ- ợc nuôi d- ỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Lê Xuân B và Lê Ngọc L; không yêu cầu anh Lê Thanh T cấp d- ỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung; chị Nguyễn Thị M không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Lê Thanh T đã đ- ợc Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần nh- ng cố tình vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Anh Lê Thanh T (là bị đơn trong vụ án) đã đ- ợc Tòa án nhân dân huyện G triệu tập họp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nh- ng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án:

Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Lê Thanh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện G, tỉnh N vào ngày 22/04/2010; Đây là hôn nhân hợp pháp, đ- ợc pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai ng- ời sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó

khăn anh T không có việc làm, th- ờng xuyên tụ tập bạn bè về nhà đánh đập, chửi bới chị M. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2015 đến nay, cũng từ đó hai ng- ời không hề quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Tòa án nhân dân huyện G đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập họp lệ nhiều lần nh- ng anh Lê Thanh T cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự coi th- ờng pháp luật, không còn thiện chí để tìm cách đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

Về con chung:

Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Thanh T có hai con chung, cháu lớn là Lê Xuân B, sinh ngày 07/01/2011; cháu nhỏ là Lê Ngọc L, sinh ngày 06/01/2014. Chị M có nguyện vọng đ- ợc nuôi cả hai con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con ch- a thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, chị M và anh T có hai con chung cả hai cháu đều trên ba tuổi và d- ới bảy tuổi. Mặc dù chị M và anh T đều là lao động tự do, có thu nhập, nh- ng nếu giao cả hai cháu cho một ng- ời nuôi d- ỡng thì sẽ là gánh nặng về kinh tế. Vì vậy, cần giao cháu Lê Xuân B cho anh Lê Thanh T là ng- ời trực tiếp nuôi d- ỡng, chăm sóc, giáo dục; cần giao cháu Lê Ngọc L cho chị Nguyễn Thị M là ng- ời trực tiếp nuôi d- ỡng, chăm sóc, giáo dục điều này phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp d- ỡng nuôi con cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung:

Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Th- ờng vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Thanh T đ- ợc ly hôn.

2. Về con chung.

Chị Nguyễn Thị M đ- ợc trực tiếp nuôi con chung là Lê Ngọc L, sinh ngày 06/01/2014, cho tới khi cháu Lê Ngọc L đủ 18 tuổi.

Anh Lê Thanh T đ- ợc trực tiếp nuôi con chung là Lê Xuân B, sinh ngày 07/01/2011, cho tới khi cháu Lê Xuân B đủ 18 tuổi. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp d- ỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai đ- ợc cản trở.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000^d án phí ly hôn. Đ- ợc khấu trừ 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2010/04008 ngày 12/5/2017.

□n xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án, hoặc bản án đ- ợc niêm yết công khai.

NƠI NHẬN

- TAND tỉnh N;
- Các đ- ơng sự;
- THADS huyện G;
- VKS huyện G;
- UBND xã G;
- L- u hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hà Thiện Thành